

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

**Báo cáo tài chính
cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
đã được soát xét**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Số 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	05-26
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05-07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09-10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11-26

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Số 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203000553 ngày 05 tháng 09 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp; Giấy phép Thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 13/UBCK-GPHĐKD ngày 21 tháng 10 năm 2003 và Giấy phép điều chỉnh số 235/UBCK-GP ngày 18 tháng 05 năm 2009 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 24, Đường Cù Chính Lan, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Dương Hiền	Chủ tịch
Bà Trương Thị Kim Oanh	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Thanh Bình	Ủy viên
Ông Vũ Quang Khánh	Ủy viên
Ông Đoàn Văn Minh	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Sơn Hải	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/05/2010
Ông Nguyễn Thế Minh	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/05/2010
Bà Nguyễn Thị Thanh	Giám đốc tài chính	
Ông Đinh Danh Vượng	Giám đốc nhân sự	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Luyến	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Nguyệt	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Thu Huyền	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Số 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hải Phòng, ngày 20 tháng 07 năm 2010

TM. Ban Giám đốc
Tổng Giám đốc

Nguyễn Sơn Hải

Số: /2010/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
Về Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng được lập ngày 20 tháng 07 năm 2010, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 được trình bày từ trang 05 đến trang 26 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; do đó công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Những vấn đề giới hạn phạm vi công tác soát xét

Tại thời điểm 30/06/2010, Công ty đã trích lập đầy đủ dự phòng giảm giá các mã cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ kế toán. Đối với các khoản đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết, Công ty không thực hiện việc trích lập dự phòng do không có cơ sở xác định giá thị trường và Ban Giám đốc Công ty đánh giá các khoản mục đầu tư cổ phiếu này là hợp lý tại thời điểm 30/06/2010.

Kết luận soát xét

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng tại ngày 30 tháng 06 năm 2010, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2010

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)
Phó Tổng giám đốc

Kiểm toán viên

Nguyễn Thanh Tùng
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: Đ0063/KTV

Vũ Xuân Biển
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0743/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNGSố 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2010	01/01/2010
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		359.774.221.278	328.218.869.670
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		24.481.394.697	70.798.809.661
111	1. Tiền	4	24.481.394.697	70.798.809.661
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	154.279.997.840	108.163.954.872
121	1. Đầu tư ngắn hạn		195.683.619.591	148.379.178.942
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		(41.403.621.751)	(40.215.224.070)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		166.725.869.175	141.811.951.884
131	1. Phải thu của khách hàng		1.028.108.120	109.370.000
132	2. Trả trước cho người bán		2.107.517.066	804.817.066
138	5. Các khoản phải thu khác	6	163.590.243.989	140.897.764.818
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		14.286.959.566	7.444.153.253
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.558.935.553	579.349.091
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.715.316.364	1.715.383.146
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	7	271.219.965	225.711.332
154	4. Tài sản ngắn hạn khác		10.741.487.684	4.923.709.684
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		116.735.520.039	136.291.186.383
220	II. Tài sản cố định		22.220.886.966	23.282.437.199
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	11.753.324.838	12.018.236.362
222	- Nguyên giá		17.365.750.243	16.885.049.162
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(5.612.425.405)	(4.866.812.800)
227	3. Tài sản cố định vô hình	9	10.467.562.128	11.264.200.837
228	- Nguyên giá		12.137.291.080	12.746.211.080
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(1.669.728.952)	(1.482.010.243)
240	III. Bất động sản đầu tư	10	22.284.683.636	22.284.683.636
241	- Nguyên giá		22.284.683.636	22.284.683.636
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	11	69.461.056.203	88.236.526.203
253	3. Đầu tư chứng khoán dài hạn		53.439.656.203	71.807.126.203
258	4. Đầu tư dài hạn khác		16.021.400.000	16.429.400.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		2.768.893.234	2.487.539.345
263	3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	12	2.768.893.234	2.487.539.345
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		476.509.741.317	464.510.056.053

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2010	01/01/2010
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		80.762.617.713	69.145.022.037
310	I. Nợ ngắn hạn		80.273.110.865	68.572.123.754
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	13	74.000.000.000	59.000.000.000
312	2. Phải trả người bán		160.080.000	1.874.580.000
313	3. Người mua trả tiền trước		169.300.000	207.000.000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	527.965.312	96.480.020
315	5. Phải trả người lao động		33.805.789	2.444.964.736
320	8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	15	580.265.343	20.325.000
321	9. Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		770.157.400	-
322	10. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán		-	981.631.400
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		384.573.807	494.231.307
328	12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	16	3.646.963.214	3.452.911.291
330	II. Nợ dài hạn		489.506.848	572.898.283
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		27.414.298	65.629.298
339	9. Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư		462.092.550	507.268.985
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		395.747.123.604	395.365.034.016
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	395.747.123.604	395.365.034.016
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		309.789.530.000	309.789.530.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		163.240.342.400	163.240.342.400
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		4.352.332.126	4.352.332.126
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)		(15.022.390.400)	(15.022.390.400)
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		35.850.562.479	35.850.562.479
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		4.352.332.126	4.352.332.126
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(106.815.585.127)	(107.197.674.715)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		476.509.741.317	464.510.056.053

Ghi chú: Các khoản tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và phải trả nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán tại ngày đầu kỳ và cuối kỳ không được trình bày trên Bảng cân đối kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNGSố 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2010	01/01/2010
			VND	VND
006	6. Chứng khoán lưu ký		751.225.710.000	620.744.210.000
007	6.1. Chứng khoán giao dịch		600.204.190.000	567.617.220.000
008	- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký		27.277.090.000	24.245.750.000
009	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		571.063.200.000	541.123.590.000
010	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài		1.863.900.000	2.247.880.000
012	6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		124.837.300.000	22.494.470.000
013	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký		2.853.750.000	5.597.000.000
014	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước		121.983.550.000	16.897.470.000
017	6.3. Chứng khoán cầm cố		8.526.350.000	-
018	- Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký		8.526.350.000	-
027	6.5. Chứng khoán chờ thanh toán		15.312.400.000	26.351.800.000
028	- Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký		294.000.000	-
029	- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước		15.018.400.000	26.351.800.000
037	6.7. Chứng khoán chờ giao dịch		2.345.470.000	4.280.720.000
038	- Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký		1.340.000	-
039	- Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước		2.344.130.000	4.280.720.000
050	7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết		3.014.567.000	-
051	7.1. Chứng khoán giao dịch		3.014.567.000	-
052	- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký		2.672.000.000	-
053	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		342.567.000	-
083	9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán		48.790.960.000	52.119.430.000

Lập, ngày 20 tháng 07 năm 2010

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Phương Lan

Đặng Minh Hằng

Nguyễn Sơn Hải

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2010	Từ 01/01/2009
			đến 30/06/2010	đến 30/06/2009
			VND	VND
01	1. Doanh thu	18	34.476.204.654	30.448.579.014
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		14.583.998.481	12.790.697.932
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		16.939.339.891	16.579.880.092
01.4	Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán		-	30.000.000
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		213.750.689	332.045.455
01.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán		7.122.894	5.851.265
01.7	Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá		-	3.636.364
01.8	Thu cho thuê sử dụng tài sản		2.727.273	56.755.025
01.9	Doanh thu khác		2.729.265.426	649.712.881
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		34.476.204.654	30.448.579.014
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	19	25.985.214.318	55.478.370.733
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		8.490.990.336	(25.029.791.719)
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	7.984.101.834	6.387.487.717
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		506.888.502	(31.417.279.436)
31	8. Thu nhập khác		18.181.818	-
32	9. Chi phí khác		142.980.732	-
40	10. Lợi nhuận khác		(124.798.914)	-
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		382.089.588	(31.417.279.436)
51	12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	21	-	-
60	14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		382.089.588	(31.417.279.436)
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22	13	(1.339)

Lập, ngày 20 tháng 07 năm 2010

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Phương Lan

Đặng Minh Hằng

Nguyễn Sơn Hải

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2010	Từ 01/01/2009
			đến 30/06/2010	đến 30/06/2009
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh chứng khoán			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		382.089.588	(31.417.279.436)
02	Khấu hao tài sản cố định		2.240.922.287	1.124.360.111
03	Các khoản dự phòng		1.188.397.681	(14.114.473.689)
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(7.880.129.730)	(3.472.271.510)
06	Chi phí lãi vay		677.821.444	254.835.830
08	3. Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		(3.390.898.730)	(47.624.828.694)
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		(30.870.467.142)	3.121.711.938
10	Tăng, giảm hàng tồn kho, chứng khoán thương mại		(28.936.970.649)	18.494.947.541
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(3.736.068.925)	(5.847.222.922)
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		(979.586.462)	267.565.706
13	Tiền lãi vay đã trả		-	(254.835.830)
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(632.862.972)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán		(67.913.991.908)	(32.475.525.233)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(1.302.352.786)	(1.002.882.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		18.800.000	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		7.880.129.730	5.090.638.762
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		6.596.576.944	4.087.756.762
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		243.000.000.000	128.500.000.000
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(228.000.000.000)	(89.260.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		15.000.000.000	39.240.000.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(46.317.414.964)	10.852.231.529

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2010	Từ 01/01/2009
			đến 30/06/2010	đến 30/06/2009
			VND	VND
60	Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu kỳ		70.798.809.661	16.026.301.792
70	Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối kỳ	4	<u>24.481.394.697</u>	<u>26.878.533.321</u>

Lập, ngày 20 tháng 07 năm 2010

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Phương Lan

Đặng Minh Hằng

Nguyễn Sơn Hải

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

1 . THÔNG TIN CHUNG**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203000553 ngày 05 tháng 09 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp; Giấy phép Thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 13/UBCK-GPHĐKD ngày 21 tháng 10 năm 2003 và Giấy phép điều chỉnh số 235/UBCK-GP ngày 18 tháng 05 năm 2009 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 24, Đường Cù Chính Lan, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty là: 309.789.530.000 VND (Ba trăm lẻ chín tỷ, bảy trăm tám mươi chín triệu, năm trăm ba mươi nghìn đồng). Tương đương 30.978.953 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
- Chi nhánh Công ty CP Chứng khoán Hải Phòng tại Hà Nội	Thành phố Hà Nội	Kinh doanh chứng khoán
- Chi nhánh Công ty CP Chứng khoán Hải Phòng tại TP HCM	Thành phố HCM	Kinh doanh chứng khoán

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Số 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính
cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	02 - 08	năm
- Phương tiện vận tải	10	năm
- Thiết bị văn phòng	04 - 06	năm
- Phần mềm quản lý	02 - 08	năm

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty.

Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong kỳ kế toán được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kê từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu bán ra và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu bán ra.

Chứng khoán mua bán theo hợp đồng mua/ bán lại (hợp đồng "repo")

Các giao dịch chứng khoán liên quan đến việc mua/ bán chứng khoán từ/ cho khách hàng và bán lại cho/ mua lại từ chính xác khách hàng đó vào một ngày cụ thể trong tương lai với giá cụ thể được gọi là các hợp đồng repo. Khi có các giao dịch repo, Công ty ghi nhận vào sổ sách một khoản tài sản/ nợ phải trả bằng với giá bán lại/ mua lại vào một ngày cụ thể trong tương lai. Phần chênh lệch giữa giá bán lại/ mua lại và giá mua/ bán sẽ được ghi nhận như là một khoản nợ phải trả (doanh thu ghi nhận trước)/tài sản (chi phí chờ kết chuyển) và sẽ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một khoản thu nhập/ chi phí theo thời hạn của hợp đồng repo.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các kỳ trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Số 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính
cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia

Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trong thời hạn 10 năm, kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 2 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 3 năm tiếp theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNGSố 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG KỲ

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ
		VND
Của Công ty Chứng khoán	7.252.650	335.807.304.000
- Cổ phiếu	6.867.650	330.638.308.000
- Chứng chỉ quỹ	385.000	5.168.996.000
Của người đầu tư	142.601.255	4.656.414.676.500
- Cổ phiếu	141.701.325	4.648.016.252.313
- Chứng chỉ quỹ	899.930	8.398.424.187
	<u>149.853.905</u>	<u>4.992.221.980.500</u>

4 . TIỀN

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	283.580.372	152.636.800
Tiền gửi ngân hàng	24.107.769.829	70.624.222.809
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	90.044.496	21.950.052
	<u>24.481.394.697</u>	<u>70.798.809.661</u>

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Chứng khoán thương mại	195.683.619.591	148.379.178.942
- Chứng khoán niêm yết	195.683.619.591	148.379.178.942
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	(41.403.621.751)	(40.215.224.070)
	<u>154.279.997.840</u>	<u>108.163.954.872</u>

(*) Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn tại thời điểm 30/06/2010 là khoản dự phòng cho toàn bộ số chứng khoán niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Cơ sở trích lập dự phòng giảm giá đối với chứng khoán niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội là giá bình quân và đối với chứng khoán niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày 30/06/2010.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNGSố 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>30/06/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Phải thu về mua bán cổ phiếu kỳ hạn	21.034.300.000	21.071.300.000
Phải thu về sửa lỗi giao dịch	556.604.953	545.010.820
Phải thu khách hàng	29.839.322.396	3.757.859.465
Phải thu cán bộ nhân viên (cổ phiếu ưu đãi)	960.000.000	960.000.000
Phải thu ứng trước tiền bán chứng khoán cho nhà đầu tư	14.774.906.957	45.391.729.064
Phải thu hợp đồng hợp tác đầu tư	96.174.641.117	68.858.661.935
Phải thu khác	250.468.566	313.203.534
	<u>163.590.243.989</u>	<u>140.897.764.818</u>

7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	<u>30/06/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	225.711.332	225.711.332
Các loại thuế khác	45.508.633	-
	<u>271.219.965</u>	<u>225.711.332</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Số 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính
cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNGSố 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**
cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010**9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm giao dịch, kế toán	Cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu kỳ	1.939.274.540	10.806.936.540	12.746.211.080
Số tăng trong kỳ	-	133.490.000	133.490.000
- Mua sắm mới	-	133.490.000	133.490.000
Số giảm trong kỳ	-	(742.410.000)	(742.410.000)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(742.410.000)	(742.410.000)
Số dư cuối kỳ	1.939.274.540	10.198.016.540	12.137.291.080
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu kỳ	60.602.330	1.421.407.913	1.482.010.243
Số tăng trong kỳ	121.204.662	808.924.047	930.128.709
- Trích khấu hao	121.204.662	808.924.047	930.128.709
Số giảm trong kỳ	-	(742.410.000)	(742.410.000)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(742.410.000)	(742.410.000)
Số dư cuối kỳ	181.806.992	1.487.921.960	1.669.728.952
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Đầu kỳ	1.878.672.210	9.385.528.627	11.264.200.837
Cuối kỳ	1.757.467.548	8.710.094.580	10.467.562.128

Tình hình đầu tư tài sản cố định và trang thiết bị

Vốn điều lệ tính đến ngày 30/06/2010	Tài sản cố định và trang thiết bị		Tỷ lệ tài sản cố định và trang thiết bị so với Vốn điều lệ
	Chỉ tiêu	Giá trị (VND)	
309.789.530.000	Nguyên giá	29.503.041.323	0,10
	Khấu hao	(7.282.154.357)	
	Giá trị còn lại	22.220.886.966	0,07

10 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Giá trị bất động sản đầu tư là khoản tiền Công ty đã thanh toán cho hợp đồng mua lại khu đất tại số 10 Đường Hoàng Diệu, Thành phố Hải Phòng, bao gồm giá trị quyền sử dụng đất và móng nhà 15 tầng, giá trị thanh toán (không bao gồm thuế giá trị gia tăng) đến thời điểm 30/06/2010 là 22.284.683.636 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNGSố 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

11 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	<u>30/06/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Đầu tư chứng khoán dài hạn	53.439.656.203	71.807.126.203
- Chứng khoán sẵn sàng để bán	53.439.656.203	71.807.126.203
Đầu tư dài hạn khác	16.021.400.000	16.429.400.000
	<u>69.461.056.203</u>	<u>88.236.526.203</u>
 Đầu tư dài hạn khác		
	<u>30/06/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Góp vốn Công ty Cổ phần Giấy Hải Hà	5.000.000.000	5.000.000.000
Đầu tư chứng khoán dài hạn	11.021.400.000	11.429.400.000
	<u>16.021.400.000</u>	<u>16.429.400.000</u>

Do không có cơ sở xác định giá giao dịch tại ngày 30/06/2010, vì vậy Công ty không thực hiện việc trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết.

12 . TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	<u>30/06/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	2.300.395.673	2.300.395.673
Tiền lãi phân bổ trong kỳ	348.497.561	67.143.672
Số cuối kỳ	<u>2.768.893.234</u>	<u>2.487.539.345</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNGSố 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

13 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vay ngắn hạn	74.000.000.000	59.000.000.000
- Vay ngân hàng	74.000.000.000	59.000.000.000
Cộng	74.000.000.000	59.000.000.000
Chi tiết các khoản vay:	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - CN Bình Dương ⁽¹⁾	30.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - CN Hồng Bàng ⁽²⁾	30.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Dầu khí Toàn cầu - CN Hải Phòng ⁽³⁾	10.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - CN Hải Phòng ⁽⁴⁾	4.000.000.000	30.000.000.000
Ngân hàng TMCP Các doanh nghiệp ngoài quốc doanh Việt Nam - C	-	29.000.000.000
	74.000.000.000	59.000.000.000

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Hợp đồng tín dụng ngày 29/06/2010, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Ngân hàng cho vay số tiền là 30.000.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh;
 - + Thời hạn vay: từ 29/06/2010 đến 01/07/2010;
 - + Lãi suất cho vay: 12%/năm;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: đảm bảo bằng tiền gửi ngân hàng.
- (2) Hợp đồng tín dụng số 0118/10/HB ngày 29/06/2010, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Ngân hàng cho vay số tiền là 30.000.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh;
 - + Thời hạn vay: 10 ngày từ thời điểm rút vốn;
 - + Lãi suất cho vay: 12%/năm;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: đảm bảo bằng tiền gửi ngân hàng.
- (3) Hợp đồng tín dụng số 0140/HĐTD-GPBHP/10 ngày 30/06/2010, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Ngân hàng cho vay số tiền là 10.000.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh;
 - + Thời hạn vay: 02 ngày từ thời điểm rút vốn;
 - + Lãi suất cho vay: theo quy định của ngân hàng tại thời điểm rút vốn;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: đảm bảo bằng tiền gửi ngân hàng.
- (4) Hợp đồng tín dụng số LD1018100128 ngày 30/06/2010, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Ngân hàng cho vay số tiền là 4.000.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh;
 - + Thời hạn vay: từ 30/06/2010 đến 30/07/2010;
 - + Lãi suất cho vay: 15%/năm;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: đảm bảo bằng tiền gửi ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNGSố 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>30/06/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	109.001.361	86.617.457
Thuế Thu nhập cá nhân	418.963.951	9.862.563
	<u>527.965.312</u>	<u>96.480.020</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	<u>30/06/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Phải trả tổ chức, cá nhân khác	580.265.343	20.325.000
	<u>580.265.343</u>	<u>20.325.000</u>

16 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	106.820.502	83.755.983
Bảo hiểm xã hội	172.938.871	34.932.286
Bảo hiểm y tế	31.735.440	4.602.260
Bảo hiểm thất nghiệp	14.739.793	10.729.448
Phải trả cổ tức cho cổ đông	25.704.000	-
Phải trả về tiền mua cổ phiếu phát hành thêm	204.218.000	2.660.206.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.090.806.608	658.685.314
	<u>3.646.963.214</u>	<u>3.452.911.291</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNGSố 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	309.789.530.000	-	-	309.789.530.000
Thặng dư vốn cổ phần	163.240.342.400	-	-	163.240.342.400
Vốn khác của chủ sở hữu	4.352.332.126	-	-	4.352.332.126
Cổ phiếu quỹ (*)	(15.022.390.400)	-	-	(15.022.390.400)
Quỹ đầu tư phát triển	35.850.562.479	-	-	35.850.562.479
Quỹ dự phòng tài chính	4.352.332.126	-	-	4.352.332.126
LNST chưa phân phối	(107.197.674.715)	382.089.588	-	(106.815.585.127)
	395.365.034.016	382.089.588	-	395.747.123.604

b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	309.789.530.000	309.789.530.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	309.789.530.000	239.398.090.000
- <i>Vốn góp tăng trong kỳ</i>	-	70.391.440.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	309.789.530.000	309.789.530.000

c) Cổ phiếu

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.978.953	30.978.953
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30.978.953	30.978.953
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	30.978.953	30.978.953
Số lượng cổ phiếu được mua lại	467.060	469.960
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	467.060	469.960
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.511.893	30.508.993
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	30.511.893	30.508.993
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNGSố 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

18 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	34.476.204.654	30.448.579.014
Trong đó:		
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	14.583.998.481	12.790.697.932
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	16.939.339.891	16.644.933.092
- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	-	30.000.000
- Doanh thu hoạt động tư vấn	213.750.689	332.045.455
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	7.122.894	5.851.265
- Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	-	3.636.364
- Thu cho thuê sử dụng tài sản	2.727.273	56.755.025
- Doanh thu khác	2.729.265.426	584.659.881
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	34.476.204.654	30.448.579.014

19 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	2.191.255.892	1.759.929.912
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	16.215.012.694	63.976.977.295
Chi phí bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	-	11.200.000
Chi phí hoạt động tư vấn	33.534.482	48.870.810
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	89.242.855	71.362.903
Chi phí dự phòng	1.188.397.681	(14.114.473.689)
Chi phí khác	790.143.009	436.793.626
Chi phí trực tiếp chung	5.477.627.705	3.287.709.876
- Chi phí nhân viên	2.081.297.954	1.254.759.113
- Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	113.637.526	28.447.378
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.357.665.977	520.275.554
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	1.477.098.831
- Chi phí khác bằng tiền	1.925.026.248	7.129.000
	25.985.214.318	55.478.370.733

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNGSố 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

20 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.784.915.741	2.121.243.470
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	42.282.315	276.914.707
Chi phí khấu hao tài sản cố định	883.256.310	604.084.557
Thuế, phí và lệ phí	28.857.000	4.000.000
Chi phí dự phòng	-	2.221.116.115
Chi phí dịch vụ mua ngoài	862.640.458	-
Chi phí khác bằng tiền	2.382.150.010	1.160.128.868
	7.984.101.834	6.387.487.717

21 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	382.089.588	(31.417.279.436)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(5.261.215.188)	(2.869.021.000)
- Các khoản điều chỉnh giảm (cổ tức, lợi nhuận được chia)	(5.261.215.188)	(2.869.021.000)
Tổng thu nhập chịu thuế	(4.879.125.600)	(34.286.300.436)
Chuyển lỗ năm trước	(125.386.208.277)	(131.473.351.576)
Thu nhập tính thuế	(130.265.333.877)	(165.759.652.012)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	20%	10%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

(*) Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trong thời hạn 10 năm, kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 2 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 3 năm tiếp theo, công ty có thu nhập chịu thuế từ năm 2005.

22 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	382.089.588	(31.417.279.436)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	382.089.588	(31.417.279.436)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	30.511.893	23.469.849
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	13	(1.339)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNGSố 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**
cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010**23 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

24 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu đầu kỳ trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2009 đến 30/06/2009, các báo cáo này đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2009 đến 30/06/2009 được lập theo phương pháp trực tiếp vì vậy đã được lập lại theo phương pháp gián tiếp để so sánh với số liệu năm nay.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại và trình bày lại do thay đổi chế độ kế toán.

	<u>Mã số</u>	<u>Phân loại và trình bày lại</u> VND	<u>Trình bày trên báo cáo năm trước</u> VND
Bảng cân đối kế toán			
Nợ phải trả	300	69.145.022.037	68.650.790.730
Nợ ngắn hạn	310	68.572.123.754	68.077.892.447
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	494.231.307	-
Vốn chủ sở hữu	400	395.365.034.016	395.859.265.323
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	430	-	494.231.307

Lập, ngày 20 tháng 07 năm 2010

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Phương Lan

Đặng Minh Hằng

Nguyễn Sơn Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Số 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu kỳ	206.298.216	13.210.682.234	3.263.426.312	204.642.400	-	16.885.049.162
Số tăng trong kỳ	-	1.155.678.186	-	13.184.600	-	1.168.862.786
- Mua sắm mới	-	1.155.678.186	-	13.184.600	-	1.168.862.786
Số giảm trong kỳ	(153.252.990)	(534.908.715)	-	-	-	(688.161.705)
- Thanh lý, nhượng bán	(153.252.990)	(534.908.715)	-	-	-	(688.161.705)
Số dư cuối kỳ	53.045.226	13.831.451.705	3.263.426.312	217.827.000	-	17.365.750.243
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu kỳ	120.992.231	3.735.121.357	890.228.036	120.471.176	-	4.866.812.800
Số tăng trong kỳ	10.216.864	1.116.235.532	168.157.865	16.183.317	-	1.310.793.578
- Trích khấu hao	10.216.864	1.116.235.532	168.157.865	16.183.317	-	1.310.793.578
Số giảm trong kỳ	(78.163.869)	(487.017.104)	-	-	-	(565.180.973)
- Thanh lý, nhượng bán	(78.163.869)	(487.017.104)	-	-	-	(565.180.973)
Số dư cuối kỳ	53.045.226	4.364.339.785	1.058.385.901	136.654.493	-	5.612.425.405
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Đầu kỳ	85.305.985	9.475.560.877	2.373.198.276	84.171.224	-	12.018.236.362
Cuối kỳ	-	9.467.111.920	2.205.040.411	81.172.507	-	11.753.324.838